

Bản án số: 52/2017/KDTM-ST
Ngày: 30/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Trương Hồng Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Kính

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2016/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2017/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần L (có mặt)

Trụ sở: 674 đường A, phường B, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Chiêm D - Thành viên công ty. Đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền số: 01/2016/UQ-LGP lập ngày 20/9/2016. Địa chỉ: 566/137/83 đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty cổ phần P (vắng mặt)

Trụ sở: 453 đường Đ, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân Tr - Giám đốc, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 608 ấp R, xã E, thị xã I, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần L và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn ông Quách Chiêm D thể hiện:

Trước đây giữa Công ty cổ phần L (gọi tắt là Công ty L) và Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) có thực hiện mua bán hàng hóa với nhau. Đến ngày 15/01/2015, Công ty L ký “Hợp đồng nguyên tắc” với Công ty P, hợp đồng số 01/2015/HĐNT/LGP-TNĐ. Theo thỏa thuận, bên Công ty L bán cho bên Công ty P các loại hàng hóa thể hiện bằng các đơn đặt hàng, thư báo giá và các Phụ lục của hợp đồng. Phương thức thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi bên Công ty P nhận hàng và hóa đơn tài chính, hoặc khi bên Công ty P có đơn đặt hàng mới.

Căn cứ theo hợp đồng này, bên Công ty P đã đặt 03 đơn hàng với Công ty L, gồm đơn đặt hàng ngày 20/08/2015 hóa chất Rutile 85% , sản xuất tại Công ty L, với số lượng là 10.000 kg, đơn giá 13.000đ/kg thành tiền 130.000.000 đồng. Đơn đặt hàng ngày 09/09/2015 hóa chất Rutile 85% sản xuất tại Công ty L số lượng là 9.000 kg, Công ty L giao 8.000 kg, đơn giá 12.000đ/kg (cộng thuế VAT) thành tiền 104.000.000 đồng và đơn hàng ngày 03/11/2015, hàng hóa là hóa chất Rutile 85% , sản xuất tại Công ty L, với số lượng 10.000 kg đơn giá 13.000đ/kg thành tiền 130.000.000 đồng. Tổng cộng là 364.000.000 đồng. Hai bên có làm bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015, bên Công ty P thừa nhận còn nợ Công ty L 364.000.000đồng và có trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 334.000.000 đồng. Từ đó đến nay nhiều lần Công ty L yêu cầu thanh toán nhưng công ty P không trả thêm bất kỳ khoản nào. Do đó, Công ty L khởi kiện, yêu cầu Công ty P phải hoàn trả hết toàn bộ số tiền này 01 lần, đồng ý không tính lãi. Chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn: Công ty cổ phần P không đến Tòa, không có bản tự khai, không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, căn cứ vào hợp đồng ký giữa Công ty L với Công ty P là sự tự nguyện, đúng pháp luật. Hiện Công ty P còn nợ Công ty L là 334.000.000 đồng. Phía nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh cho việc vi phạm thanh toán. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty P phải thanh toán số tiền 334.000.000 đồng cho Công ty L, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận, tính lãi theo qui định tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty L khởi kiện Công ty P, đây là tranh chấp “hợp đồng mua bán, buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

Do bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 453 đường Đ, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận D thụ lý giải quyết theo qui định tại Điều 30, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty P vắng mặt không có lý do. Qua xác minh công ty chưa giải thể, chưa phá sản, cũng không ngưng hoạt động và hiện vẫn còn trụ sở tại số 453 đường Đ, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

2.1. Về thỏa thuận của hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 15/01/2015 Công ty L ký “Hợp đồng nguyên tắc” với Công ty P, hợp đồng số 01/2015/HĐNT/LGP-TNĐ, nội dung là Công ty P đặt mua hàng hóa của Công ty L. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty P có 03 đơn đặt hàng với Công ty L, gồm các đơn đặt hàng ngày 20/08/2015, ngày 09/09/2015 và ngày 03/11/2015, hàng hóa mua bán là hóa chất Rutile 85%, sản xuất tại Công ty L, tổng số lượng hàng hóa mà Công ty L đã giao cho Công ty P là 28.000 kg Rutile 85%, giá tiền cả 03 đợt là 364.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận thời điểm thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ khi bên Công ty P nhận hàng và hóa đơn tài chính, hoặc khi bên Công ty P có đơn đặt hàng mới. Tuy nhiên do Công ty P chưa thanh toán nên hai bên có làm bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015, Công ty P thừa nhận còn nợ Công ty L với số tiền 364.000.000 đồng. Từ đó đến nay Công ty P chỉ trả được 30.000.000 đồng và ngưng thanh toán luôn. Nay Công ty L khởi kiện, yêu cầu Công ty P phải hoàn trả hết toàn bộ số tiền 334.000.000 đồng 01 lần, đồng ý không tính lãi. Công ty L chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trả xong hết số nợ.

Xét thấy, hợp đồng mua bán giữa Công ty L và Công ty P là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đúng pháp luật. Các bên thực hiện việc giao dịch hoàn toàn đúng qui định của pháp luật, tuy nhiên đến nay Công ty P chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ, việc này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Công ty L cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh sự vi phạm của Công ty P. Do đó, căn cứ theo Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, Công ty L khởi kiện là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận. Buộc Công ty P phải thanh toán hết số tiền 334.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng*).

2.2 Về phần lãi: Công ty L không có yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết xong số nợ, đây là yêu cầu phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, căn cứ theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để tính lãi cho Công ty L.

3. Án phí kinh doanh sơ thẩm:

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị Quyết 01/2012/HĐTP-TANDTC ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội năm 2016.

Công ty P phải chịu án phí là 16.700.000 đồng. Hoàn lại cho Công ty L là 10.077.853 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009094 ngày 21/10/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Các Điều 30, 35, 227 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;
- Nghị Quyết 01/2012/HĐTP-TANDTC ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội năm 2016.
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần L.
2. Buộc Công ty cổ phần P phải trả cho Công ty cổ phần L số tiền 334.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng*) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty cổ phần L có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần P chưa thi hành xong số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng Công ty cổ phần P còn phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần P phải chịu là 16.700.000 đồng (*Mười sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*). Hoàn lại Công ty cổ phần L 10.077.853 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009094 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- CC.THA Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Kim